

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 6 -2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020, về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Mỹ N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Đình B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đậu Thị Mỹ N trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Võ Đình B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Đình B.

Về con chung: Chị N khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Võ Thảo N, sinh ngày 01/01/2006 và cháu Võ Đình Phú M, sinh ngày 05/11/2011. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu N và cháu M, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000 đồng, hai cháu là 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu N và cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 27/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Võ Đình B trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là chị Đậu Thị Mỹ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 02/8/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Năm 2013 chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 5/2019 chị N về nước và lạnh nhạt tình cảm với anh từ đó vợ chồng có cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Anh B đã níu kéo để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là là Võ Thảo N, sinh ngày 01/01/2006 và cháu Võ Đình Phú M, sinh ngày 05/11/2011. Anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu N và cháu M, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh B đang làm nhân viên tại Công ty Cổ phần nhựa y tế Việt Nam thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đậu Thị Mỹ N đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu N và cháu M đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị N; cả chị N và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu N và M, tuy nhiên

Viện kiểm sát xét thấy cần giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, nên hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đậu Thị Mỹ N và anh Võ Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cãi cọ, mắng chửi nhau. Theo biên bản xác minh ngày 16/3/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh B là do vợ chồng nghi kỵ lẫn nhau. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh B luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, nghi kỵ lẫn nhau dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị N và anh B thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Võ Thảo N, sinh ngày 01/01/2006 và cháu Võ Đình Phú M, sinh ngày 05/11/2011. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu N và cháu M là con chung của chị N, anh B. Cả chị N và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu N và cháu M. Tuy nhiên, cháu N có nguyện vọng được ở với chị N, cháu M có nguyện vọng được ở với anh B. Do đó giao cháu N cho chị N và cháu M cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp.

[4]. Về tài sản: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Đậu Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đậu Thị Mỹ N và anh Võ Đình B.

2. Về con chung: Công nhận cháu Võ Thảo Nhi, sinh ngày 01/01/2006 và cháu Võ Đình Phú M, sinh ngày 05/11/2011 là con chung của chị N và anh B. Giao cháu Võ Thảo N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Đình Phú M cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N và anh B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đậu Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/00005335 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trịnh Thanh Hương